

Bản án số: 238/2025/HS-ST

Ngày: 08/10/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bửu Tịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

2. Bà Võ Thị Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Gia Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai và tuyên án vào ngày 08/10/2025 vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 570/2025/HSST-QĐ ngày 28/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 793/2025/HSST-QĐ ngày 18/9/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 946/2025/HSST-QĐ ngày 02/10/2025 đối với các bị cáo:

1/ Lâm Thị T, sinh ngày: 08/7/1998, tại: tỉnh Bạc Liêu; Nơi thường trú: Khóm A, phường G (phường H, thị xã G cũ), tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở hiện tại: 6 T, khu phố A, phường T (phường T, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm S, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1968; chưa có chồng; có con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại (Có mặt).

Bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

Truy tố về tội: “Môi giới mại dâm” theo điểm b, đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2/ Nguyễn Thanh T1, sinh ngày: 17/5/1983, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: D Chợ C, phường C (phường C, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xây C, sinh năm

1963 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1964; vợ: Phạm Thị Y P1, sinh năm 1994 và 04 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 01/3/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành án tại trại giam B đến ngày 14/10/2005 được tha về. Ngày 17/8/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử 03 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Chấp hành án tại trại giam M2 đến ngày 30/8/2013 được tha về; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024 (Có mặt).

3/ Nguyễn Chí T2, sinh ngày: 04/10/1996, tại: tỉnh An Giang; Nơi thường trú: khóm L, phường T (phường L, thị xã T cũ), tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: 1 H, phường T (phường T, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 và bà Lê Thị K, đã chết; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024 (Có mặt).

4/ Nguyễn Văn T3, sinh ngày: 02/9/1996, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: E Chợ C, phường C (phường C, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: A đường B, phường T (phường T, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vĩnh P2, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị P3, sinh năm 1972; vợ: Phan Thị Tú T4, sinh năm 2002 và con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 04/11/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành án tại trại giam T13 đến ngày 24/01/2021 chấp hành án xong; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024 (Có mặt).

Bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

Truy tố về tội: “Môi giới mại dâm” theo điểm b khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 15 ngày 16/01/2024, Công an Thành phố H kết hợp với Công an P4, quận G kiểm tra hành chính phát hiện tại khách sạn Đ2, địa chỉ 1 Đường số A, Phường I, quận G có 03 cặp nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm gồm:

- Tại phòng 005, Vũ Duy H1 đang thực hiện hành vi mua bán dâm với Huỳnh Thị Bội T5.

- Tại phòng 204, Trần Anh D đang thực hiện hành vi mua bán dâm với Phạm Thị Kim K1.

- Tại phòng 401, Vũ Chí T6 đang thực hiện hành vi mua bán dâm với Trần Thị Ngọc A.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã bắt Lê Thị T7, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Chí T2 liên quan đến hành vi môi giới mua bán dâm tại khách sạn Đ2. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, tất cả khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 30 ngày 15/01/2024, Lâm Thị T nhận được tin nhắn từ một người khách mua dâm, muốn Tiền tìm 03 gái mại dâm để mua dâm. Tiền có gửi cho khách một số hình ảnh của gái bán dâm để khách lựa chọn và thống nhất giá mua dâm của mỗi gái mại dâm là 2.300.000 đồng (02 lần quan hệ tình dục). Tiền yêu cầu khách tự thuê khách sạn sau đó nhắn số phòng và địa chỉ khách sạn, T sẽ cho gái đến để bán dâm. Đến khoảng 13 giờ ngày 16/01/2024, khách nhắn tin báo đã đặt 03 phòng số 105, 204 và 401 tại khách sạn Đ2, địa chỉ số A đường số A, Phường I, quận G, đồng thời đặt cọc 900.000 đồng tiền mua dâm 03 gái và cho thêm tiền 500.000 đồng công môi giới. Tiền sử dụng tài khoản số 1017703174 Ngân hàng V để nhận số tiền 1.400.000 đồng từ khách mua dâm. Sau đó, T báo cho Huỳnh Thị Bội T5 và Phạm Thị Kim K1 đến khách sạn Đ2 để bán dâm thì T5, K1 đồng ý.

Do khách yêu cầu 03 gái mại dâm nên T liên lạc với Nguyễn Thanh T1, cho biết khách cần 03 gái bán dâm nhưng T chỉ cung cấp 02 gái bán dâm nên nhờ T1 giới thiệu thêm 01 gái bán dâm cho T, báo giá là khách mua dâm 02 lượt trong 02 giờ với giá 2.300.000 đồng, đã đưa trước cho T 300.000 đồng và địa điểm bán dâm là tại khách sạn Đ2 thì T1 đồng ý. T1 liên hệ với gái bán dâm là Trần Thị Ngọc A, nhắn tin báo giá bán dâm và địa chỉ cho Ngọc A tự đến bán dâm.

Khoảng 15 giờ 00 ngày 16/01/2024, T kêu Nguyễn Chí T2 chở T5 đến khách sạn Đ2 để bán dâm cho khách; K1 nhờ bạn trai là Tào Thanh T8 chở đến khách sạn Đ2 để bán dâm cho khách và Ngọc A gọi điện thoại qua Z cho Nguyễn Văn T3 kêu chở đến khách sạn Đ2 để bán dâm cho khách. Tại đây, T5, K1 và Ngọc A vào khách sạn để bán dâm; T2, T8 đậu xe trước cổng khách sạn chờ; còn T3 đi về nhà chờ, khi nào Ngọc A bán dâm xong sẽ điện thoại cho T3 đến đón.

Sau đó, T5 đến Phòng 105 bán dâm cho Vũ Duy H1 và được H1 trả số tiền 2.500.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng là tiền mua dâm và 500.000 đồng là tiền cho thêm); K1 đến Phòng 204 bán dâm cho Trần Anh D và được D trả số tiền mua dâm là 2.500.000 đồng; Ngọc A đến Phòng 401 bán dâm cho Vũ Chí T6 và được T6 trả số tiền là 2.300.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng là tiền mua dâm và 300.000 đồng là tiền cho thêm). Đến khoảng 17 giờ 15 cùng ngày, lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện như đã nêu trên.

Ngoài ra Huỳnh Thị Bội T5 và Phạm Thị Kim K1 còn khai nhận quá trình hoạt động của mình: Từ khoảng đầu năm 2023, Huỳnh Thị Bội T5 và Phạm Thị Kim K1 bắt đầu làm gái mại dâm và được Lâm Thị T làm môi giới đi bán dâm

cho khách. Tiền sẽ đăng thông tin tìm kiếm khách mua dâm trên trang mạng xã hội Facebook. Khi có người có nhu cầu mua dâm liên hệ thì T sẽ thỏa thuận giá cả rồi báo lại với T5 và K1. Nếu T5 và K1 đồng ý đi bán dâm thì T sẽ thông báo gửi địa điểm để T5, K1 trực tiếp đến bán dâm cho khách.

Đối với T5, mỗi lần bán dâm với giá 1.100.000 đồng/lần quan hệ tình dục và 2.000.000 đồng/lần qua đêm. Sau khi bán dâm xong, T5 sẽ đưa lại cho T số tiền từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng và giữ số tiền còn lại. Đồng thời, do Nguyễn Chí T2 đang thất nghiệp nên T có kêu T2 chở T5 đi bán dâm, mỗi lần T5 trả tiền công là 100.000 đồng/lượt (cả chở đi và chở về) thì T2 đồng ý. Lâm Thị T và Võ Hữu T9 (sống như vợ chồng với Lâm Thị T) tạo 01 nhóm Zalo tên “GOOD LUCKYS” để thuận lợi cho việc môi giới mua bán mại dâm. Trong nhóm này có Lâm Thị T (Zalo tên “T”), Võ Hữu T9 (Zalo tên “Đại Lâm M”), T2 (Zalo tên “Chí Thanh”) và T5 (Z tên “Bội Bội”). Khi có khách mua dâm liên hệ thì vợ chồng T9 sẽ nhắn lên nhóm báo cho T5 biết, kèm theo thông tin địa điểm và giá tiền bán dâm. Nếu T5 đồng ý thì T2 sẽ qua chở T5 đến địa điểm để thực hiện hành vi mua bán dâm.

Đối với K1, mỗi lần bán dâm với giá là 1.100.000 đồng đến 1.300.000 đồng/lần quan hệ tình dục và 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/lần qua đêm. Sau khi bán dâm xong, K1 sẽ đưa lại cho T9 số tiền 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng và được giữ số tiền còn lại do khách mua dâm đưa. Những lần bán dâm, K1 đi xe ôm hoặc nhờ bạn trai là Tào Thanh T8 chở K1 đến địa điểm bán dâm. Mỗi lần chở K1 đi bán dâm thì K1 có đưa cho T8 từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng để ăn uống, có khi không cho.

Ngoài ra, khi cần thêm gái bán dâm thì T9 sẽ liên lạc với Nguyễn Thanh T1 (thường gọi là Tý K2, tên Z là “On Den O”) để nhờ T1 giới thiệu thêm gái bán dâm. T1 sẽ liên hệ với gái bán dâm là Trần Thị Ngọc A (tên Z là “Bé M1”), nhắn tin báo giá bán dâm và địa chỉ cho Ngọc A đến bán dâm. Bản thân Ngọc A bắt đầu làm gái mại dâm từ khoản tháng 12/2023 và được T1 môi giới với giá 1.300.000 đồng/lần quan hệ tình dục. Những lần Ngọc A đi bán dâm đều do T1 kêu Nguyễn Văn T3 chở Ngọc A đến địa điểm bán dâm cho khách và đón về. Sau khi bán dâm xong, T1 đưa lại số tiền 600.000 đồng cho T9, đưa cho Ngọc A số tiền 350.000 đồng. Riêng T3 được T1 cho số tiền 200.000 đồng và được Ngọc A cho số tiền 100.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO (của gái bán dâm Huỳnh Thị Bội T5); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax (của gái bán dâm Phạm Thị Kim K1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax (của gái bán dâm Trần Thị Ngọc A). Ngày 06/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu.

- 01 (một) đầu thu camera hiệu KB Vision; 01 (một) quyền sở đăng ký lưu trữ của Khách sạn Đ2. Ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản trên cho anh Không Đức G (đại diện Khách sạn Đ2).

- Tiền Việt Nam 6.800.000 đồng là tiền mua dâm thu giữ từ gái bán dâm (trong đó thu của T5 số tiền 2.500.000 đồng, K1 số tiền 2.000.000 đồng, Ngọc A số tiền 2.300.000 đồng).

- 03 (một) bao cao su (đã qua sử dụng).

- Thu giữ của Lâm Thị T:

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone.

+ Tiền Việt Nam 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Thu giữ của Nguyễn Thanh T1:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô, biển số 59K2 – 637.68, số máy: JA39E – 2127324, số khung: RLHJA392XMY011442. Qua xác minh xe trên do anh Nguyễn Bá L (sinh năm: 1971, thường trú J18 Cư xá P, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 28/6/2023, anh L bán xe trên cho anh Phan Phước Đ (sinh năm: 1966, thường trú số 240/60 đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh) (có làm Hợp đồng ủy quyền, được Văn phòng C2). Ngày 26/9/2023, anh Đ đã bán xe trên cho cửa hàng mua bán xe B1, địa chỉ số A đường H, KDC H, phường T, Quận G và có làm Hợp đồng ủy quyền (được Văn phòng C2) cho nhân viên cửa hàng là Nguyễn Tuấn A1 (sinh năm: 2001, thường trú số 430/43 đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến ngày 19/12/2023, Lê Mạnh T10 (sinh năm: 1993, thường trú số 641 Lô V, đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh) mua lại chiếc xe trên nên nhân viên cửa hàng B2 là Trần Hoàng K3 có làm giấy mua bán xe viết tay cho T10 (không có công chứng). Anh T10 sử dụng xe trên đến ngày 16/01/2024 thì cho bạn là Nguyễn Thanh T1 mượn xe đi công việc. Sau đó, Công an quận G mời T1 làm việc và tạm giữ xe trên. Ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra Quyết định xử lý trả xe mô tô cho anh Lê Mạnh T10.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone.

- Thu giữ của Nguyễn Chí T2:

+ 01 (một) xe mô tô, biển số 59Y3 - 298.36, số máy: KF41E - 1114904, số khung: MH1KF4111JK114188. Qua xác minh xe trên do Nguyễn Mạnh C1 (sinh năm: 1988, thường trú: ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an xã T được biết, anh C1 đã bán nhà đi khỏi địa phương đi đâu không rõ từ năm 2020, hiện nay chưa làm việc được. Làm việc với anh Đặng Hiền T11 (nhân viên cửa hàng M3, địa chỉ: C - C đường P, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh) mua lại của anh Nguyễn Mạnh C1 (có làm hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C3, địa chỉ số A - A đường B, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau đó, anh T11 đã bán lại chiếc xe trên cho Lâm Thị Anh Đ1 (sinh năm: 2005, thường trú

khóm A, xã H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu) có làm hợp đồng ủy quyền được văn phòng C3, địa chỉ số A - A đường B, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Đ1 sử dụng xe trên đến ngày 16/01/2024 thì cho Nguyễn Chí T2 mượn xe để đi công việc. Sau đó, T2 sử dụng xe, chở Huỳnh Thị Bội T5 đến khách sạn Đ2 để bán dâm cho người khác và bị Công an quận G tạm giữ, thì chị Đ1 hoàn toàn không biết. Ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra Quyết định xử lý trả xe mô tô cho chị Lâm Thị Anh Đ1.

- + 01 điện thoại di động hiệu Vivo.

- + Thẻ ngân hàng V mang tên NGUYEN CHI THANH.

- Thu giữ của Nguyễn Văn T3:

- + 01 (một) xe mô tô, biển số 59TA – 055.10, số máy: JF73E – 0088959, số khung: RLHJF7306GY088880, do Tới đứng tên chủ sở hữu (sử dụng chở Trần Thị Ngọc A đi bán dâm).

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMax.

- + 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro.

- Thu giữ của Tào Thanh T8:

- + 01 (một) chiếc xe mô tô, biển số 59M2 – 571.06, số máy: JM51E – 1799409, số khung: MH1JM5114MK799900. Qua xác minh xe trên do chị Văn Minh Thùy T12 (sinh năm: 1986, thường trú số B L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 16/01/2024, chị T12 cho vợ chồng Tào Thanh T8 và Phạm Thị Kim K1 mượn chiếc xe biển số 59M2 – 571.06 để đi công việc thì chị T12 đồng ý. T12 có giao xe cho vợ chồng T8, K1 mượn xe nhưng vẫn giữ lại giấy đăng ký xe. Sau đó, chị T12 được biết T8, K1 vi phạm pháp luật và bị Công an quận G tạm giữ xe. Ngoài ra, việc T8, K1 sử dụng xe vi phạm pháp luật thì chị T12 hoàn toàn không biết. Ngày 16/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra Quyết định xử lý trả xe mô tô cho chị Văn Minh Thùy T12.

- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax (Ngày 06/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Tào Thanh T8.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã nhập kho vật chứng tất cả các vật chứng liên quan theo Phiếu nhập kho vật chứng số 37/PNK ngày 23/02/2024 và Phiếu nhập kho vật chứng số 312/PNK ngày 14/11/2024.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS-KV7, ngày 21/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lâm Thị T về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Chí T2 và Nguyễn Văn T3 về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, Đại diện viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lâm Thị T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Buộc bị cáo Lâm Thị T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 95.000.000 đồng;

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.800.000 đồng;

- Buộc bị cáo Nguyễn Chí T2 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 8.000.000 đồng;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T3 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.200.000 đồng.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Tịch thu và tiêu hủy:

- + 03 (một) bao cao su (đã qua sử dụng).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- + 01 (một) xe mô tô, biển số 59TA – 055.10, số máy: JF73E – 0088959, số khung: RLHJF7306GY088880;

- + 01 điện thoại di động hiệu Vivo;

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMax;

- + 01 điện thoại di động hiệu S1;

- + 01 điện thoại di động hiệu Realme;

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của Nguyễn Thanh T1;

- + Tiền Việt Nam 8.200.000 đồng.

Trả cho bị cáo Lâm Thị T:

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T3:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro.

Trả cho bị cáo Nguyễn Chí T2:

+ 01 thẻ ngân hàng V mang ten NGUYEN CHI THANH.

Tại phiên tòa hôm nay khi nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản cáo trạng thì các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai các bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật đã thu giữ, phù hợp với Kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Đây là vụ án “Môi giới mại dâm” xảy ra lúc 17 giờ 15 phút ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại các phòng 105, 204, 401 của Khách sạn Đ2 địa chỉ số A đường số A, Phường I, quận G do Lâm Thị T, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Văn T3 cùng nhau thực hiện. Trong đó:

Lâm Thị T có vai trò chính trong việc đăng tin gái bán dâm lên các trang mạng xã hội để khách mua dâm liên hệ (hưởng lợi từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/ lần môi giới). Sau khi thỏa thuận giá cả với khách mua dâm xong, T sẽ điều gái bán dâm đến các khách sạn mà khách mua dâm đã đặt sẵn để bán dâm.

Nguyễn Thanh T1 có vai trò cung cấp gái bán dâm cho T khi T yêu cầu để hưởng tiền môi giới từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/mỗi lần môi giới.

Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Chí T2 có vai trò chở gái bán dâm đến khách sạn mà T và T1 yêu cầu để bán dâm cho khách, sau đó chở gái bán dâm về. Mỗi lần giúp sức cho T và T1 thì T3 và T2 được cho số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Hành vi của các bị can đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó Cáo trạng số 21/CT-VKS-KV7, ngày 21/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, các bị cáo đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đến đời sống văn hóa xã hội mà Nhà nước ta đã và đang xây dựng phát triển rộng rãi trong đời sống của nhân dân. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Ngoài ra, hành vi môi giới mại dâm của các bị cáo còn tác động xấu đến lối sống đạo đức, truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam và còn gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình của nhiều người. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Do bị cáo Lâm Thị T phạm tội có tổ chức và môi giới mại dâm đối với 02 người trở lên nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm b, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự là có cơ sở. Các bị cáo còn lại Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự. Vì vậy phải có mức án thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm tạo điều kiện giúp cho các bị cáo học tập cải tạo sau này biết tôn trọng pháp luật và trở thành người tốt hơn có ích cho xã hội và cũng nhằm có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đồng thời qua đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giúp cho các bị cáo có điều kiện học tập cải tạo lại mình sau này biết tôn trọng pháp luật và đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo nên quyết định miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

[5] Về trách nhiệm dân sự: không có.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO (của gái bán dâm Huỳnh Thị Bội T5); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax (của gái bán dâm Phạm Thị Kim K1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax (của gái bán dâm Trần Thị Ngọc A). Ngày 06/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu;

Đối với 01 (một) đầu thu camera hiệu KB Vision; 01 (một) quyền sở đăng ký lưu trú của Khách sạn Đ2. Ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả các tài sản trên cho anh Không Đức G (đại diện Khách sạn Đ2).

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô, biển số 59K2 – 637.68, số máy: JA39E – 2127324, số khung: RLHJA392XMY011442 thu giữ của Nguyễn Thanh T1. Ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra Quyết định xử lý trả xe mô tô cho chủ sở hữu là anh Lê Mạnh T10.

Đối với 01 (một) xe mô tô, biển số 59Y3 - 298.36, số máy: KF41E - 1114904, số khung: MH1KF4111JK114188 thu giữ của Nguyễn Chí T2. Ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra Quyết định xử lý trả xe mô tô cho chủ sở hữu là chị Lâm Thị Anh Đ1.

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô, biển số 59M2 – 571.06, số máy: JM51E – 1799409, số khung: MH1JM5114MK799900 thu giữ của Tào Thanh T8. Ngày 16/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra Quyết định xử lý trả xe mô tô cho chủ sở hữu là chị Văn Minh Thùy T12.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax thu giữ của Tào Thanh T8. Ngày 06/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Tào Thanh T8.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc trao trả trên là đúng quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tại phiên tòa hôm nay không đưa ra xem xét lại.

[6.2] Đối với 03 (ba) bao cao su (đã qua sử dụng, được niêm phong); là công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu hủy.

[6.3] Đối với:

+ 01 (một) xe mô tô, biển số 59TA – 055.10, số máy: JF73E – 0088959, số khung: RLHJF7306GY088880;

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMax;

+ 01 điện thoại di động hiệu S1;

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của Nguyễn Thanh T1.

Là công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6.4] Đối với Tiền Việt N1 8.200.000 đồng là vật chứng do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[6.5] Đối với:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của Lâm Thị T, không sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định trả cho bị cáo.

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro thu giữ của Nguyễn Văn T3, không sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định trả cho bị cáo.

+ 01 thẻ ngân hàng V mang ten NGUYEN CHI THANH, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định trả cho bị cáo Nguyễn Chí T2.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Võ Hữu T9 (sinh năm 1989, thường trú số 243/53/19/17 khu phố B, đường T, Phường A, Quận D) là bạn trai của Lâm Thị T có hành vi đăng thông tin tìm kiếm khách mua dâm trên trang mạng xã hội Facebook và tạo 01 group Zalo tên “GOOD LUCKYS” để thuận lợi cho việc môi giới mua bán dâm. Do đó, Võ Hữu T9 có dấu hiệu đồng phạm về hành vi “Môi giới mại dâm” với Lâm Thị T. Tuy nhiên, hiện nay Võ Hữu T9 không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra Quyết định truy tìm đối với Võ Hữu T9 và ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án Hình sự để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với Tào Thanh T8, là bạn trai và sống chung như vợ chồng với gái bán dâm Phạm Thị Kim K1. Từ tháng 01/2024, T8 biết K1 đi bán dâm cho khách và đều chở K1 đến khách sạn để bán dâm. Mỗi lần chở K1 đi bán dâm thì K1 có cho T8 từ 200.000 đến 300.000 đồng. Bản thân T8 biết K1 bán dâm cho khách nhưng chỉ giúp sức trong việc chở K1 đi bán dâm, còn các thức liên hệ như thế nào thì T8 không biết. T8 không biết ai là người điều hành môi giới cho K1 bán dâm và cũng không tham gia việc môi giới cho K1 bán dâm. Do đó, không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Tào Thanh T8 về hành vi “Môi giới mại dâm”.

Đối với Vũ Duy H1, Trần Anh D và Vũ Chí T6 có hành vi mua dâm; Huỳnh Thị Bội T5, Phạm Thị Kim K1 và Trần Thị Ngọc A có hành vi bán dâm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G đã chuyển hồ sơ đến Công an phường P4, quận G lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng nêu trên.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lâm Thị T, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Chí T2 và Nguyễn Văn T3 phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lâm Thị T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/01/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/01/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/01/2024.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Lâm Thị T nộp lại số tiền 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T1 nộp lại số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn) đồng là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Chí T2 nộp lại số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T3 nộp lại số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm ngàn) đồng là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu và tiêu hủy:

03 (ba) bao cao su (đã qua sử dụng, được niêm phong).

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô, biển số 59TA – 055.10, số máy: JF73E – 0088959, số khung: RLHJF7306GY088880;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XSMax;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu S1;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone;

+ Tiền Việt Nam 8.200.000 (Tám triệu hai trăm ngàn) đồng.

- Trả cho bị cáo Lâm Thị T:

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T3:

01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Chí T2:

01 (một) thẻ ngân hàng V mang ten NGUYEN CHI THANH.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 37/PNK ngày 23/02/2024 và Phiếu nhập kho vật chứng số 312/PNK ngày 14/11/2024 của Công an quận G).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q về án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 7-TP.HCM;
- Phòng THADS KV7-TP.HCM;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thanh Bửu Tịnh